

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Hạng mục: Xây dựng khu tái định cư thuộc tiểu dự án thành phần bồi
thường giải phóng mặt bằng, tái định cư, dự án Đường Ngô Mây nối dài,
thành phố Quy Nhơn của Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2951/STNMT-CCBVMT ngày 23/08/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Hạng mục Xây dựng khu tái định cư thuộc tiểu dự án thành phần bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư dự án Đường Ngô Mây nối dài, thành phố Quy Nhơn của Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn;


Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Hạng mục Xây dựng khu tái định cư thuộc tiểu dự án thành phần bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư dự án Đường Ngô Mây nối dài, thành phố Quy Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 4548/UBND-ĐT ngày 15/10/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1250/TTr-STNMT ngày 18/10/2024.


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Hạng mục: Xây dựng khu tái định cư thuộc tiểu dự án thành phần bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư, dự án Đường Ngô Mây nối dài, thành phố Quy Nhơn (sau đây gọi là Dự án) của Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Bộ TNMT (đề b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở TNMT;
- UBND TP Quy Nhơn;
- UBND phường Nhơn Phú;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA HẠNG MỤC:
XÂY DỰNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ THUỘC TIỂU DỰ ÁN THÀNH PHẦN
BỒI THƯỜNG GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, TÁI ĐỊNH CƯ, DỰ ÁN
ĐƯỜNG NGÔ MÂY NỔI DÀI, THÀNH PHỐ QUY NHƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh
Bình Định)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng khu tái định cư thuộc tiểu dự án thành phần bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư, dự án Đường Ngô Mây nổi dài, thành phố Quy Nhơn.

- Địa điểm thực hiện: phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn.

- Địa chỉ liên hệ: số 30 Nguyễn Huệ, phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô.

- Tổng diện tích: 48.538,64 m².

- Quy mô dân số khoảng 748 người, gồm 187 lô đất ở.

- Cơ cấu sử dụng đất như sau:

ST T	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở (187 lô)	14.664,04	30,21
2	Đất cây xanh cách ly (Hành lang thoát lũ nội đô)	17.401,92	35,85
3	Đất giao thông và HTKT	16.472,68	33,94
Tổng cộng		48.538,64	100,0

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1 Các hạng mục công trình chính: 187 lô đất ở có diện tích sử dụng đất 14.664,04 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của Dự án: Hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước và PCCC, thông tin liên lạc.

1.3.3 Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải (riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa).

- 01 Bể tự hoại tập trung 05 ngăn cải tiến, đảm bảo khoảng cách an toàn

về môi trường theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (kết cấu bằng bê tông cốt thép, được xây dựng khép kín và có hạng mục xử lý mùi hôi, khử trùng, tổng thể tích 200 m³).

1.3.4. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động thu dọn, phát quang mặt bằng, bốc đất phong hóa và phá dỡ các công trình hiện trạng.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án.

- Hoạt động đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục công trình.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng.

- Hoạt động sinh hoạt của cư dân trong dự án.

1.3.5. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ Dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 44.712,12 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công: hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước khu vực.

- Trong giai đoạn vận hành: hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên các tuyến đường xung quanh dự án phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải; hoạt động sinh hoạt của cư dân sinh sống trong dự án phát sinh chất thải sinh hoạt;...

- Hoạt động duy tu, bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án như hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, giao thông.

- Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích 44.712,12 m², ảnh hưởng đến sinh kế người dân.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,8 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 1,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn vận hành:

Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng 98,16 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu san lấp, thi công; vận hành máy móc, phương tiện thi công trên công trường,... thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

b) Giai đoạn vận hành

Hoạt động giao thông của người dân, quá trình dọn vệ sinh khu vực công cộng; khí thải từ quá trình nấu nướng của người dân,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 31,05 – 51,75 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông,...

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phạm vi nền đường phát sinh với khối lượng khoảng 5.526,28 m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 34,25 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,....

b) Giai đoạn vận hành:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 512,3 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải phải kiểm soát, chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 18 kg trong quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là giẻ lau nhiễm dầu thải, các loại dầu mỡ thải, pin, ắc quy,...

b) Giai đoạn vận hành

Hoạt động sinh hoạt của người dân tại khu vực dự án phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 3,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là pin thải, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy ép cọc, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

b) Giai đoạn vận hành

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào Dự án.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác tác động đến sinh kế của người dân và hệ sinh thái khu vực.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng,

phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn: hệ thống thoát nước mưa của dự án được thiết kế theo phương án tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải, dọc theo các đường nội bộ quy hoạch tuyến cống BTCT D600 – D1000 để thu gom nước mưa. Hệ thống thoát nước mưa có hướng thoát nước chính từ Tây sang Đông và được phân làm 02 lưu vực thoát chính, cụ thể:

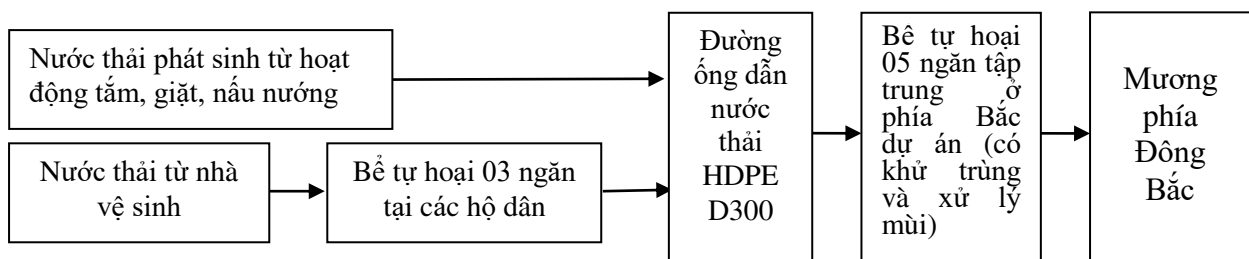
+ Lưu vực 1: Phía Đông Nam khu vực, tổng diện tích thoát 1,125ha, nước mưa được thu gom bằng các tuyến cống tròn D600-D800 thoát về hành lang thoát lũ phía Đông Bắc qua 01 cửa xả (tọa độ CX1: X = 1.523.986; Y = 601.107, theo hệ toạ độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trục 108⁰15').

+ Lưu vực 2: Phía Tây Bắc khu vực, tổng diện tích 1,85 ha, nước mưa được thu gom bằng các tuyến cống tròn D600-D1000 thoát về hành lang thoát lũ phía Đông Bắc qua 01 cửa xả (tọa độ CX2: X = 1.524.112; Y = 601.006, theo hệ toạ độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trục 108⁰15').

+ Bố trí tuyến rãnh kích thước BxH=1,5x1(m) với chiều dài L=272(m) phía sau khu dân cư hiện trạng phía Nam chạy dọc taluy, mục đích thu nước mưa của khu dân cư hiện trạng, sau đó cho thoát bằng cống BTCT D1200 thoát về hành lang thoát lũ phía Đông Bắc qua 01 cửa xả (tọa độ CX3: X = 1.524.039; Y = 601.074, theo hệ toạ độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trục 108⁰15').

- Nước thải sinh hoạt: được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại các hộ dân, sau đó được thu gom vào tuyến ống chính để dẫn về khu vực xử lý nước thải tập trung. Phương án xử lý nước thải của dự án như sau:

+ Giai đoạn hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của khu vực chưa được xây dựng đồng bộ, nước thải phát sinh từ dự án được thu gom bằng tuyến ống HDPE, đường kính D300 dẫn về bể tự hoại 05 ngăn phía Bắc dự án để xử lý trước khi thải ra ruộng đất kích thước (2 x 1,5) m phía Đông Bắc dự án (tọa độ điểm xả thải: X = 1.524.186; Y = 600.934, theo hệ toạ độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trục 108⁰15'), phương thức xả thải là tự chảy, cụ thể như sau:



+ Bể xử lý nước thải được chia làm 02 module, có hệ thống xử lý mùi hôi và khử trùng. Trong giai đoạn đầu, khi dân cư chưa được lấp đầy, đầu tư xây

dựng bể xử lý 05 ngăn tập trung thể tích 100 m³. Khi dân cư lấp đầy khoảng 40% tổng diện tích dự án (lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 40 – 45 m³/ngày), phải đầu tư xây dựng module 02 với thể tích 100 m³. Tổng thể tích cả 2 module là 200 m³.

+ Quy trình xử lý mùi hôi phát sinh từ bể tự hoại 05 ngăn tập trung như sau: Mùi hôi → Thấp khử mùi (sử dụng than hoạt tính làm vật liệu hấp phụ) → Ống thoát khí cao 5 m.

+ Quy trình khử trùng như sau: Nước thải dự án → bể tự hoại 05 ngăn tập trung → hồ đựng chlorine viên nén → hố ga sau xử lý → Nguồn tiếp nhận.

+ Khi hạ tầng thu gom và xử lý nước thải chung của khu vực được đầu tư đồng bộ, UBND thành phố Quy Nhơn có trách nhiệm thực hiện việc đấu nối nước thải phát sinh từ dự án vào hệ thống thu gom nước thải để dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung (bể tự hoại cải tiến 05 ngăn được chuyển đổi công năng thành trạm bơm để bơm nước thải).

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư với tần suất 02 lần/ngày.

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, vệ sinh trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu và chất thải rắn công nghiệp thông thường: sử dụng bạt che chắn xung quanh đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Giai đoạn vận hành

- Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh đường nội bộ.

- Định kỳ bảo dưỡng mặt đường.

- Lắp đặt biển báo hướng dẫn giao thông, quy định tốc độ xe tham gia giao thông tương ứng với cấp đường thiết kế.

- Trồng dải cây xanh cách ly xung quanh khu đất xây dựng bể tự hoại 05 ngăn.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH)

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt của công nhân: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

+ Đất bóc phong hóa hữu cơ được tận dụng đắp vào khu vực cây xanh và mái taluy của dự án, không vận chuyển đổ thải ra bên ngoài phạm vi dự án.

+ Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 58 và Điều 66 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

Người dân thu gom và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt trong các thiết bị chứa chuyên dụng và chuyển giao cho đơn vị thu gom tại địa phương.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Bố trí 03 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, có nắp đậy, dán nhãn theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 05m² tại công trường theo đúng quy định. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 68, Điều 69, Điều 71 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành

một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn vận hành

Người dân thu gom, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo hướng dẫn của chính quyền địa phương.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Không sử dụng cùng một thời điểm nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn;
- Sử dụng các thiết bị thi công được đăng kiểm đảm bảo.
- Các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kì.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ; không vận hành các thiết bị phát sinh độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 18h00 đến 6h00 sáng hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giai đoạn vận hành

- Bảo dưỡng thường xuyên chất lượng mặt đường, tăng cường trồng các dải cây xanh.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất trồng lúa

Chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

Ngoài ra, quá trình thi công Dự án sẽ lắp các mương nội đồng bên trong khu vực Dự án. Do đó, hoàn trả bằng tuyến mương đất phía Bắc khu quy hoạch,

kích thước đáy $B = 2$ m, chiều cao $H = 1,5$ m, hệ số mái $m = 1,0$, chiều dài $L = 344$ m để kết nối với hệ thống thoát nước hiện trạng của các khu vực xung quanh.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3 Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ đầu tư

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

+ Tuyến đường đất phía Đông dự án (tọa độ: $X = 1.253.886$; $Y = 601.088$, theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$).

+ Khu dân cư hiện trạng phía Tây dự án (tọa độ: $X = 1.524.127$; $Y = 600.875$, theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$).

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường./.